

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/DS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2025
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
Tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Blao Bkrông, bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh T – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27/06/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXXST-DS ngày 21/05/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 123/2025/QĐST-DS ngày 10/06/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP B (B1)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A và tầng 5, tòa nhà C, số A đường P, P. P, Quận H, Tp .;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết T1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc H - Chức vụ: Q. Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Đ2:

Theo Giấy ủy quyền số 1788/2021/UQ-TGD ngày 08/04/2021 của Chủ tịch HĐQT

- Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990, ông Lê Văn Thiện Q, sinh năm 1995

Địa chỉ: E N, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Bà Phan Kiều T2, Sinh năm: 1990.

Trú tại: Số A P, P. T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Thiện Q trình bày:*

Bà Phan Kiều T2 cùng với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Đ3 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0667/2017/HĐTD2/BVB25 ngày 15/06/2017; (các) Phụ lục Hợp đồng kèm theo (“Hợp đồng tín dụng”) và Khế ước nhận nợ kèm theo (“Khế ước nhận nợ”), chi tiết như sau: Khế ước nhận nợ số 0667/2017/HĐTD2/BVB25 ngày 15/06/2017. Số tiền vay: 720.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ đi lại, Thời gian vay: 84 tháng. Lịch trả nợ gốc, lãi: + Gốc trả 03 tháng/ lần. Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất vay trong hạn: 8.11%/năm trong thời gian 12 tháng đầu tiên và thay đổi theo Khế ước nhận nợ.

Lãi suất quá hạn: Đối với dư nợ gốc bị quá hạn, áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất quá hạn). Đối với lãi tiền vay chậm trả (lãi suất chậm trả lãi) là 10%/năm.

Trong quá trình thực nghĩa vụ trả nợ, bà T2 đã trả cho Ngân hàng B được 256.682.511 đồng; đồng thời bàn giao tài sản đảm bảo là xe ô tô để B2 xử lý để thu hồi nợ. Tổng số tiền B1 đã thu nợ của bà T2 là 632.021.471 đồng. Trong đó, nợ gốc: 529.838.960 đồng và nợ lãi: 102.182.511 đồng.

Tạm tính đến ngày 27/6/2025 bà Phan Kiều T2 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 730.950.532 đồng. Trong đó nợ gốc 190.161.040 đồng; Nợ lãi trong hạn 165.331.377 đồng, lãi quá hạn: 299.242.292 đồng, lãi phạt: 76.215.823 đồng.

Đến nay, bà T2 tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Đại diện Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện để bà T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà vẫn tiếp tục vi phạm cam kết, không thanh toán nợ vay cho ngân hàng, có dấu hiệu kéo dài thời gian và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phan Kiều T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền (tạm tính đến ngày 27/6/2025) tổng số tiền là: 730.950.532 đồng. Trong đó nợ gốc 190.161.040 đồng; Nợ lãi trong hạn 165.331.377 đồng, lãi quá hạn: 299.242.292 đồng, lãi phạt: 76.215.823 đồng.

Buộc bà Phan Kiều T2 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

* Đối với bị đơn bà Phan Kiều T2, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn không lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND TP. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú tại TP. nên Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 295, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phan Kiều T2 phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến (tạm tính đến ngày 27/6/2025) tổng số tiền là: 730.950.532 đồng. Trong đó nợ gốc 190.161.040 đồng; Nợ lãi trong hạn 165.331.377 đồng, lãi quá hạn: 299.242.292 đồng, lãi phạt: 76.215.823 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Số A P, P. T, Tp., tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phan Kiều T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Phan Kiều T2 cùng với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Đ3 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0667/2017/HĐTD2/BVB25 ngày 15/06/2017; (các) Phụ lục Hợp đồng kèm theo (“Hợp đồng tín dụng”) và Khế ước nhận nợ kèm theo (“Khế ước nhận nợ”), Khế ước nhận nợ số 0667/2017/HĐTD2/BVB25 ngày 15/06/2017. Số tiền vay: 720.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ đi lại, Thời gian vay: 84 tháng. Lịch trả nợ gốc, lãi: + Gốc trả 03 tháng/ lần. Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất vay trong hạn: 8.11%/năm trong thời gian 12 tháng đầu tiên và thay đổi theo Khế ước nhận nợ.

Hiện nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phan Kiều T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền (tạm tính đến ngày 27/6/2025) tổng số tiền là: 730.950.532 đồng. Trong đó nợ gốc 190.161.040 đồng; Nợ lãi trong hạn 165.331.377 đồng, lãi quá hạn: 299.242.292 đồng, lãi phạt: 76.215.823 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ, bà Phan Kiều T2 không trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phan Kiều T2 phải trả tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2025 tổng số tiền là: 730.950.532 đồng. Trong đó nợ gốc 190.161.040 đồng; Nợ lãi trong hạn 165.331.377 đồng, lãi quá hạn: 299.242.292 đồng, lãi phạt: 76.215.823 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/06/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Phan Kiều T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 295, 299, 323; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B.

Buộc bà Phan Kiều T2 phải trả cho Ngân Hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 27/6/2025 tổng số tiền là: 730.950.532 đồng. Trong đó nợ gốc 190.161.040

đồng; Nợ lãi trong hạn 165.331.377 đồng, lãi quá hạn: 299.242.292 đồng, lãi phạt: 76.215.823 đồng.

Kể từ ngày 28/6//2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0667/2017/HĐTD2/BVB25 ngày 15/06/2017; Khế ước nhận nợ số 0667/2017/HĐTD2/BVB25 ngày 15/06/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Phan Kiều T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.238.000 đồng (làm tròn).

Hoàn trả cho Ngân Hàng TMCP B tiền tạm ứng án phí là 16.018.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột theo biên lai số 0000944 ngày 03 tháng 3 năm 2025.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. Buôn Ma Thuột,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS
Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Đôn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. Buôn Ma Thuột,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS
Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. Buôn Ma Thuột,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS
Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Đôn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Đ1

